

Bài thuyết trình

Nhóm 3

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Hà Thị Loan	0286
Trần Thị Loan	0304
Trà Bảo Lộc	0312
Nguyễn Thị Hồng Lụa	0347
Đặng Ngọc Mai	0313
Nguyễn Văn Minh	0284
Phạm Hà My	0310
Lê Vi Na	0354
Võ Thị Nga	0314
Nguyễn T. Phượng Ngân	0341
Trương Thị Kim Ngân	0291
Bao Hồng Ngọc	0358
Vương Bích Ngọc	0339
Trần Thị Nguyệt	

0317
Giáo Viên: Th.S Đỗ Hữu Nghiêm

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (THUẾ TNDN)

- Khái niệm, đặc điểm, vai trò
- Căn cứ tính thuế TNDN
- Thuế TNDN đối với nhà thầu
- Ưu đãi thuế TNDN
- kê khai, nộp thuế và quyết toán thuế TNDN



I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ.

1. Khái niệm:

- Thuế TNDN là một loại thuế trực thu đánh vào *thu nhập chịu thuế* của cơ sở sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2. Đặc điểm:

- Thuế TNDN là một loại thuế trực thu.
- Thuế TNDN đánh vào thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp



3. Vai trò:

- Thuế TNDN là khoản thu quan trọng của ngân sách nhà nước.
- Thuế TNDN là công cụ quan trọng của nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế.
- Thuế TNDN là một công cụ của nhà nước thực hiện chính sách công bằng xã hội.



4. Cơ sở pháp lý:

- Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của bộ tài chính
- Luật số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Quốc Hội về Thuế TNDN.
- Nghị Định số 124/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008
- Thông tư 130/2008/TT- BTC ngày 26- 12- 2008 của Bộ Tài chính
- Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/07/2007 về một số điều luật quản lý thuế.



II. CĂN CỨ TÍNH THUẾ

- Công thức tính thuế TNDN:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế TNDN} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế TNDN} \end{array} \quad (1)$$

$$\begin{array}{l} \text{Thuế TNDN} \\ \text{phải} \\ \text{nộp} \end{array} = \left(\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tính} \\ \text{thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Phần trích} \\ \text{lập quỹ} \\ \text{KH\&CN} \end{array} \right) \times \begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{suất} \\ \text{thuế TNDN} \end{array} \quad (2)$$



Kỳ tính thuế được xác định theo năm dương lịch.

1. Thu nhập tính thuế

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu} & & \text{Thu} & & \text{Thu} & & \text{Các khoản lỗ} \\ \text{nhập} & = & \text{nhập} & - & \text{nhập} & + & \text{được kết} \\ \text{tính} & & \text{chịu} & & \text{được} & & \text{chuyển theo} \\ \text{thuế} & & \text{thuế} & & \text{miễn thuế} & & \text{quy định} \end{array}$$

- Thu nhập tính thuế từ từ chuyển nhượng chứng khoán:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu} & & \text{Giá} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi} \\ \text{nhập} & = & \text{bán} & - & \text{chứng} & + & \text{phí} \\ \text{tính} & & \text{chứng} & & \text{khoán chuyển} & & \text{chuyển} \\ \text{thuế} & & \text{khoán} & & \text{nhượng} & & \text{nhượng} \end{array}$$



- Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu} & & \text{Giá} & & \text{Giá mua} & & \text{Chi} \\ \text{nhập} & = & \text{chuyển} & - & \text{của phần vốn} & + & \text{phí} \\ \text{tính} & & \text{nhượng} & & \text{chuyển} & & \text{chuyển} \\ \text{thuế} & & & & \text{nhượng} & & \\ \text{nhượng} & & & & & & \end{array}$$



Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng bất động sản:

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Các khoản lỗ của hoạt động BĐS của các năm trước (nếu có)

Thu nhập phí chịu chuyển thuế = DT từ chuyển nhượng BĐS - Giá vốn BĐS - Chi



2. Thu nhập chịu thuế.

$$\begin{array}{cccc} \text{Thu nhập} & \text{Doanh} & \text{Chi phí} & \text{Các khoản} \\ \text{chịu} & & \text{được} & \text{thu nhập} \\ \text{thuế} & = (& \text{trừ} & \text{khác} \end{array}$$



3. Doanh thu.

a. **Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế:** là toàn bộ tiền bán hàng hóa, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

b. **Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:**

- Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua.
- Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ



4. Các khoản CP được trừ và không được trừ.

a. Khoản CP được trừ: 2 nguyên tắc

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

b. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm *31 khoản chi.*



5. Thu nhập khác.

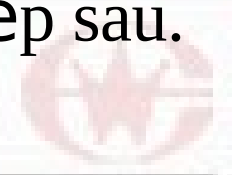
- (Gồm 20 khoản thu nhập khác.)

6. Thu nhập được miễn thuế.

- (Gồm 7 khoản thu nhập được miễn thuế)

7. Xác định lỗ và chuyển lỗ.

- Khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì được chuyển lỗ của năm quyết toán thuế trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.
- Quá thời hạn 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ nếu số lỗ phát sinh chưa bù trừ hết thì sẽ không được giảm trừ tiếp vào thu nhập của các năm tiếp sau.



8. Thuế suất thuế TNDN.

- Thuế suất thuế TNDN là 25%.
- Thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam từ 32% đến 50%.



III. THUẾ TNDN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU, NHÀ THẦU PHỤ NƯỚC NGOÀI

- Thuế TNDN nhà thầu nước ngoài phải nộp = $\frac{\text{Doanh số TNDN tính thuế}}{\text{TNDN tính trên doanh thu tính thuế}}$ x Tỷ lệ thuế

Trường hợp doanh thu không bao gồm thuế TNDN, phải đổi thành doanh có thuế TNDN.

- $\frac{\text{Doanh thu TNDN}}{\text{Tính thuế}} = \frac{\text{Doanh thu (không bao gồm thuế TNDN)}}{1 - \text{Tỷ lệ \% thuế TNDN (tính trên doanh thu tính thuế)}}$



IV. KÊ KHAI, NỘP THUẾ TNDN.

1. Hàng quý doanh nghiệp tạm kê khai và nộp thuế.
2. Kết thúc năm tài chính, DN nộp tờ khai tự quyết toán thuế TNDN.



TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH
(Mẫu số 01A/TNDN)

(Dành cho người nộp thuế khai theo thu nhập thực tế phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế Quý 3 năm 2012

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

[04] Tên người nộp thuế: **CÔNG TY TNHH SX TMDV CHUNG PHÁT LỢI**

[05] Mã số thuế: **3701688943**

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu		Số tiền
1	Doanh thu phát sinh trong kỳ	[21]	0
2	Chi phí phát sinh trong kỳ	[22]	0
3	Lợi nhuận phát sinh trong kỳ ([23]= [21]-[22])	[23]	0
4	Điều chỉnh tăng lợi nhuận theo pháp luật thuế	[24]	0
5	Điều chỉnh giảm lợi nhuận theo pháp luật thuế	[25]	0
6	Thu nhập chịu thuế ([26]= [23]+ [24]-[25])	[26]	0
7	Thu nhập miễn thuế	[27]	0
8	Số lỗ chuyển kỳ này	[28]	0
9	Thu nhập tính thuế ([29]= [26]-[27]-[28])	[29]	0
10	Thuế suất thuế TNDN (%)	[30]	25.000
11	Thuế TNDN dự kiến miễn, giảm	[31]	0
12	Thuế TNDN phải nộp trong kỳ ([32]= [29]x[30]-[31])	[32]	0
0			

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:

Họ và tên:

Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày ký:

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2011 từ 01/01/2011 đến 31/12/2011

[02] Lần đầu: [X]

[03] Bổ sung lần thứ:

Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

[04] Tên người nộp thuế : **CÔNG TY TNHH SX TM DV CHUNG PHÁT LỢI**

[05] Mã số thuế: **3701688943**

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ TIỀN
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính		
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(190,242,735)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp		
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+ B3+ B4+ B5+ B6)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B6	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B7= B8+ B9+ B10+ B11)	B7	0
2.1	Lợi nhuận từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	B8	0
2.2	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.3	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B12= A1+ B1-B7)	B12	(190,242,735)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh (B13= B12-B14)	B13	(190,242,735)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	B14	0
C	Xác định thuế TNDN phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	(190,242,735)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Lỗ từ các năm trước được chuyển sang	C3	0
4	Thu nhập tính thuế (C4= C1-C2-C3)	C4	(190,242,735)
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	Thu nhập tính thuế sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6= C4-C5)	C6	(190,242,735)
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (C7= C6 x 25%)	C7	0
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất khác mức thuế suất 25%	C8	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C9	0
10	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C10	0
11	Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C11= C7-C8-C9-C10)	C11	0
D	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản còn phải nộp sau khi trừ thuế TNDN đã nộp ở địa phương khác	D	0
E	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	E	0
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	0

D. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:

STT	Tên tài liệu
1	

V. ƯU ĐÃI THUẾ TNDN

1. **Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN:**
Ưu đãi về thuế TNDN chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện *chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định và đăng ký, nộp thuế TNDN theo kê khai.*
2. **Các nguyên tắc áp dụng ưu đãi thuế TNDN:**
 - a. Trong thời gian đang ưu đãi thuế TNDN: Hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được hưởng ưu đãi thuế TNDN.



b. Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN là doanh nghiệp đăng ký kinh doanh lần đầu.

3. Ưu đãi về thuế suất.

- a. Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với các trường hợp sau:
- Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
 - Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại khu kinh tế, khu công nghệ cao.



- b. Thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường (gọi chung là lĩnh vực xã hội văn hóa).
- c. Thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian 10 năm áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có *điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn*.
- d. Thuế suất ưu đãi 20% trong suốt thời gian hoạt động được áp dụng đối với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và Quỹ tín dụng nhân dân.

Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính liên tục từ năm đầu tiên DN có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế.



4. Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế.

- a. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với các trường hợp sau:
- Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
 - Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại khu kinh tế, khu công nghệ cao.



- b. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định.
- c. Miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định.



d. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

- Trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.



e. Thời điểm bắt đầu tính thời gian miễn thuế, giảm thuế tính liên tục kể từ kỳ tính thuế đầu tiên doanh nghiệp bắt đầu có thu nhập chịu thuế (*chưa trừ số lỗ các kỳ tính thuế trước chuyển sang*).

- Trường hợp, kỳ tính thuế đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế, nhưng thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ *dưới 12 tháng* thì doanh nghiệp có quyền đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn thuế, giảm thuế ngay kỳ tính thuế đầu tiên đó hoặc tính từ kỳ tính thuế tiếp theo.

